TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Phước

Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Hoàng T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 31, Tổ 1, khu phố 6, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị Trịnh Bích Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp V1, xã V2, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2024 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Võ Hoàng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Trịnh Bích Th quen biết trên tinh thần tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2021, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/3/2021. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, đến đầu năm 2023 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn yêu thương giúp đỡ lẫn nhau nên đã ly thân với nhau từ năm 2023

đến nay, do đó không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Nay anh T nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với chị Th.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Bị đơn chị Trịnh Bích Th, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Th theo quy định, nhưng chị Th không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho chị Th; chị Th cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án; chị Th đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ, nhưng không có mặt tại Tòa án, Tòa án đến nhà của chị Th để làm việc nhưng không gặp nên không có lời khai.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:* - Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hoàng T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị Th.

+ Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận:

Về tố tụng:

Anh T yêu cầu ly hôn với chị Th, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Th cư trú tại xã Vĩnh Thịnh, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị Th.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Th tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2021, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại

UBND thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/3/2021, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Anh T xác định cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn quan quan tâm giúp đỡ lẫn nhau nên anh cương quyết yêu cầu ly hôn với chị Th. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị Th, nhưng chị Th không quan tâm, quá trình giải quyết vụ án chị Th không lần nào đến Tòa án và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình, nhưng nay anh T cương quyết xin ly hôn với chị Th, mà chị Th không có thiện chí hòa giải cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn lại được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, anh T yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với chị Th, thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Th.

[2] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Võ Hoàng T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Võ Hoàng T đối với chị Trịnh Bích Th. Xử cho anh Võ Hoàng T được ly hôn với chị Trịnh Bích Th.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Võ Hoàng T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005390 ngày 04/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Tâm